

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BC
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HS-ST
Ngày 25-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BC, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị T;
2. Ông Đỗ Minh T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị N - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Triều M - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HS ngày 14/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/HSST-QĐ ngày 25/02/2019 đối với bị cáo:

Lê Chí H, sinh năm: 1999, tại tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Phụ hồ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 01/12; con ông Lê Văn U, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; gia đình bị cáo có 02 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất là bị cáo; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 27/10/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Trương Ngọc H1, sinh năm: 1978; trú tại: thôn Bắc S, xã Cẩm T, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn T, sinh năm: 1968; trú tại: thôn Bắc S, xã Cẩm T, huyện CT, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Thúc D, sinh năm: 1962; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Chí H, Trần Minh N (sinh năm 2000, hộ khẩu thường trú: Ấp Thạnh A, xã Thạnh L, huyện GR, tỉnh Kiên Giang) và Huỳnh Văn L (sinh năm 1983, HKTT: Ấp Kê 5, xã Khánh Bình T, huyện TVT, tỉnh Cà Mau) là bạn bè quen biết.

Ngày 23/10/2018, H nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài nên tự làm bộ dụng cụ phá khóa gồm: 01 (một) thanh kim loại hình trụ dài 25cm, 01 (một) thanh kim loại hình chữ L dài 15cm, 01 (một) thanh kim loại hình chữ L dài 06cm, 01 (một) cán muỗng kim loại dài 15cm, rồi cất giấu vào túi xách. Chiều ngày 26/10/2018, H đến phòng trọ của Lâm tại phòng số 6F, lầu 1, nhà trọ 268 cạnh đường D13, khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã BC, tỉnh Bình Dương chơi, sau đó để túi xách có chứa bộ dụng cụ phá khóa lại nhưng không nói cho Lâm biết, rồi mượn xe mô tô (không rõ biển số) của Lâm đi về.

Khoảng 22 giờ ngày 26/10/2018, L gọi điện thoại rủ H đến phòng của L uống rượu. H điều khiển xe mô tô của Lâm đến nhà trọ 268, dựng xe giữa hành lang nhà trọ thì thấy ông Trương Ngọc H1 điều khiển xe mô tô hiệu Winner, biển số 36L1 – 116.06 chở bạn đi vào nhà trọ. Ông H1 dựng xe mô tô biển số 36L1 – 116.06 phía trước phòng số 4B (bên cạnh xe mô tô của L), đầu xe quay vào trong, đuôi xe hướng ra đường D13, khóa cổ xe, dùng ổ khóa rồi khóa bánh sau, rồi cùng với bạn đi lên phòng số 2F, lầu 1. Lúc này, H nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô biển số 36L1 – 116.06 nên H đi lên phòng 6F lấy bộ dụng cụ phá khóa đi xuống bẻ khóa cổ xe, ổ khóa bánh sau và ngắt dây điện, rồi đi ra khu vực phía trước dãy nhà trọ tìm được một đoạn dây kim loại cất giấu vào gốc cây tại đây. Sau đó, H lên phòng 6F uống rượu cùng với Lâm và Trần Minh N (có mặt tại phòng của Lâm trước Hải), rồi ngủ lại. Đến khoảng 03 giờ, ngày 27/10/2018, H thức dậy đi xuống lấy đoạn dây kim loại cất giấu ở gốc cây trước đó rồi dùng đoạn dây kim loại này cột khoen cửa phòng số 4B. Sau đó H đi lên phòng 6F thấy N và L đang thức. Lúc này, N rủ H đi trộm cắp tài sản, H không nói gì và hắt đầu về phía cầu thang. N đi xuống trước, đứng gần cổng nhà trọ quay mặt hướng ra công, cách xe mô tô biển số 36L1 – 116.06 khoảng 5m và lấy thuốc hút đợi H. Khoảng 5 phút sau, H đi xuống thấy N đứng đợi nhưng H không nói gì, H lén lút đi đến chỗ để xe mô tô biển số 36L1 – 116.06 quay đầu xe ra hướng đường D13, mục đích của H là dắt xe ra khỏi cổng nhà trọ rồi mới nổ máy chạy đi. Lúc này, ông Nguyễn Văn V là người ở phòng số 4B nghe tiếng động lạ nên mở cửa phòng ra xem nhưng không mở được. Ông Vương liền giật mạnh cửa thì cửa bung ra, ông V chạy ra thấy H đang quay đầu xe mô tô biển số 36L1-116.06 nên tri hô bắt giữ H giao nộp Công an phường TH cùng vật chứng gồm:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Winner, biển số 36L1-116.06;
- 01 (một) thanh kim loại dài 25cm;

- 01 (một) thanh kim loại hình chữ L dài 15cm;
- 01 (một) thanh kim loại hình chữ L dài 06cm;
- 01 (một) cán muỗng kim loại dài 15cm đã được mài nhọn;
- 01 (một) cọng kẽm chì bị đứt dài 40cm.

Quá trình điều tra, H khai nhận nảy sinh ý định và thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 36L1-116.06 một mình, không bàn bạc và cũng không nói cho N biết. Khoảng 03 giờ ngày 27/10/2018, H nghe N rủ đi trộm cắp tài sản nhưng không biết ý định của N là trộm cắp gì, ở đâu, lúc này H chỉ hắt đầu về phía cầu thang, ý định của H là rủ N cùng trộm xe mô tô biển số 36L1-116.06 mà H đã mở khóa trước đó, H không biết N có hiểu ý định của H không.

Quá trình điều tra Trần Minh N khai nhận: Khoảng 03 giờ ngày 27/10/2018, N định đi về nhưng Lâm giữ N lại nên N nói dối với Lâm là rủ H đi trộm cắp tài sản để Lâm cho N về, mục đích thực sự của N không phải là rủ H đi trộm cắp tài sản mà để H lấy xe mô tô của Lâm chở N về. N cũng không biết H đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 36L1 – 116.06 cho đến khi H bị bắt.

Theo Kết luận định giá ngày 29/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã BC, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Winner, biển số 36L1 – 116.06 trị giá 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

Đối với xe mô tô biển số 36L1 – 116.06 do ông Trương Ngọc H1 là chủ sở hữu nhưng khi mua xe ông H1 bị mất chứng minh nhân dân nên nhờ bạn là ông Bùi Văn T đứng tên chủ sở hữu. Ngày 20/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã BC ra Quyết định xử lý vật chứng số 20 trao trả cho ông H1 xe mô tô biển số 36L1 – 116.06, ông H1 không yêu cầu gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKSBC ngày 23/01/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã BC, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Chí H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã BC trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Chí H về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 12 đến 14 tháng tù. Về vật chứng đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thanh sắt dài 25cm; 01 (một) thanh kim loại hình chữ L dài 15cm; 01 (một) thanh kim loại hình chữ L dài 06cm; 01 (một) cán muỗng bằng kim loại dài 15cm; 01 (một) cọng kẽm bị đứt dài 40cm.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả và thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát. Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an thị xã BC, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã BC trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận: Khoảng 3 giờ 00 phút, ngày 27/10/2018, tại nhà trọ số 268, cạnh đường D13, khu phố 6, phường Thới Hòa, thị xã BC bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Huy xe mô tô biển số 36L1 – 116.06, trị giá 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng).

Bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng mô tả. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, Biên bản tiếp nhận người bị bắt quả tang lập ngày 27/10/2018 và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức tham lam, liều lĩnh và xem thường pháp luật.

Hành vi lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại trong việc quản lý, trông coi tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng). Hành vi này đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, bản Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã BC truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được cân nhắc, xem xét khi quyết định hình phạt gồm: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét thấy, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, trong lần phạm tội này cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một khoảng thời gian đủ để giáo dục răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thị xã BC đã trao trả cho bị hại là có căn cứ. Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 (một) thanh sắt dài 25cm; 01 (một) thanh kim loại hình chữ L dài 15cm; 01 (một) thanh kim loại hình chữ L dài 06cm; 01 (một) cán muỗng bằng kim loại dài 15cm; 01 (một) cọng kẽm bị đứt dài 40cm là công cụ dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Đối với người tên Trần Minh N không có cơ sở để xác định N cùng với bị cáo cùng tham gia trộm cắp tài sản. Do đó không có cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nhí.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Chí H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Chí H 01 (một) năm 02 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27/10/2018.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) thanh kim loại dài 25cm;
- 01 (một) thanh kim loại hình chữ L dài 15cm;
- 01 (một) thanh kim loại hình chữ L dài 06cm;
- 01 (một) cán muỗng kim loại dài 15cm đã được mài nhọn;
- 01 (một) cọng kẽm chì bị đứt dài 40cm.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/01/2019 giữa giữa Công an thị xã BC với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Chí H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã BC;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã BC;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- CA thị xã BC;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đậu Thị T

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

